

Số: /QĐ-UBND

Quảng Bình, ngày tháng năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực An toàn vệ sinh thực phẩm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế tỉnh Quảng Bình**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 135/QĐ-BYT ngày 15/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực An toàn thực phẩm và dinh dưỡng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 725/TTr-SYT ngày 31/3/2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này 01 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực An toàn vệ sinh thực phẩm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế tỉnh Quảng Bình.

**Điều 2.** Sở Y tế có trách nhiệm tổ chức xây dựng và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết các thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này, để thiết lập quy trình điện tử lên Hệ thống thông tin một cửa điện tử theo hướng dẫn tại Công văn số 1388/UBND-KSTT ngày 20/8/2018 của UBND tỉnh về việc xây dựng quy trình tin học hóa giải quyết thủ tục hành chính.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Trung tâm Hành chính công tỉnh, Chi cục trưởng Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ Y tế;
- Cục Kiểm soát TTHC - Văn phòng CP;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh Quảng Bình;
- Lưu: VT, KSTTHC.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tiến Hoàng**

## Phụ lục

# THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình)

## Phần I

### DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Tên VBQPPL quy định việc sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính	Nhận hồ sơ, trả kết quả qua DV BCCI
1	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống có quy mô kinh doanh từ 200 suất ăn/lần phục vụ trở lên. Mã số 1.002425.000.00.00.H46, Quyết định số 660/QĐ-UBND ngày 21/02/2019 của UBND tỉnh Quảng Bình	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Hành chính công tỉnh. Số 09 đường Quang Trung, TP.Đồng Hới, Quảng Bình	Phí thẩm định cơ sở: + Phục vụ dưới 200 suất ăn: 700.000 đồng/lần /cơ sở; + Phục vụ từ 200 suất ăn trở lên: 1.000.000 đồng/lần/cơ sở; + Đối với cơ sở sản xuất nhỏ lẻ: 500.000 đồng/lần /cơ sở + Đối với cơ sở sản xuất khác được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: 2.500.000 đồng/ lần/cơ sở	Quyết định số 05/2020/QĐ-UBND ngày 10/3/2020 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành Y tế trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.	Có

## Phần II

### NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

**1. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống có quy mô kinh doanh từ 200 suất ăn/lần phục vụ trở lên**

**\* Trình tự thực hiện:**

**Bước 1:** Cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống (viết tắt là cơ sở) đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (viết tắt là Giấy chứng nhận) nộp hồ sơ và phí qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại: Trung tâm Hành chính công tỉnh Quảng Bình.

Địa chỉ: Số 09, đường Quang Trung - TP Đồng Hới - tỉnh Quảng Bình;

Điện thoại: 0232.3812.812;

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Buổi sáng từ 8 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút; Buổi chiều từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút; vào các ngày làm việc hàng tuần (trừ ngày nghỉ, lễ, tết).

**Bước 2:** Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra các giấy tờ liên quan, nếu đầy đủ thì viết phiếu tiếp nhận hồ sơ cho cơ sở đề nghị cấp Giấy chứng nhận và chuyển hồ sơ đến Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm.

**Bước 3:**

Trường hợp có yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm thông báo bằng văn bản cho cơ sở trong thời hạn 05 làm việc ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp quá 30 ngày kể từ khi nhận được thông báo, cơ sở không bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu thì hồ sơ của cơ sở không còn giá trị. Tổ chức, cá nhân phải nộp hồ sơ mới để được cấp Giấy chứng nhận nếu có nhu cầu.

Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm thành lập đoàn thẩm định và lập Biên bản thẩm định theo Mẫu số 02 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 155/2018/NĐ-CP trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ;

Đoàn thẩm định Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm có từ 3 đến 5 người. Trong đó có ít nhất 02 thành viên làm công tác về an toàn thực phẩm (có thể mời chuyên gia phù hợp lĩnh vực sản xuất thực phẩm của cơ sở tham gia đoàn thẩm định cơ sở).

Trường hợp kết quả thẩm định đạt yêu cầu, trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm định, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 155/2018/NĐ-CP.

Trường hợp kết quả thẩm định tại cơ sở chưa đạt yêu cầu và có thể khắc phục, đoàn thẩm định phải ghi rõ nội dung, yêu cầu và thời gian khắc phục vào Biên bản thẩm định với thời hạn khắc phục không quá 30 ngày.

Sau khi có báo cáo kết quả khắc phục của cơ sở, Đoàn thẩm định đánh giá kết quả khắc phục và ghi kết luận vào biên bản thẩm định.

Trường hợp kết quả khắc phục đạt yêu cầu sẽ được cấp Giấy chứng nhận theo quy định tại Điểm d Khoản 3, Điều 6, Chương III thuộc Khoản 3, Điều 2, Nghị định số 155/2018/NĐ-CP. Trường hợp kết quả khắc phục không đạt yêu cầu thì Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm thông báo kết quả thẩm định cơ sở không đạt yêu cầu bằng văn bản cho cơ sở và cho cơ quan quản lý địa phương;

Trường hợp kết quả thẩm định không đạt yêu cầu, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm thông báo bằng văn bản cho cơ quan quản lý địa phương giám sát và yêu cầu cơ sở không được hoạt động cho đến khi được cấp Giấy chứng nhận.

Trường hợp thay đổi tên của doanh nghiệp hoặc/và đổi chủ cơ sở, thay đổi địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí và quy trình sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống và Giấy chứng nhận phải còn thời hạn thì cơ sở gửi thông báo thay đổi thông tin trên Giấy chứng nhận và kèm bản sao văn bản hợp pháp thể hiện sự thay đổi đó đến Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm qua hệ thống dịch vụ bưu chính công ích hoặc tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

**Bước 4:** Cơ sở đề nghị cấp Giấy chứng nhận trực tiếp đến tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Quảng Bình nhận Giấy chứng nhận hoặc nhận qua đường Bưu chính công ích (nếu có đăng ký).

\* **Cách thức thực hiện:** Qua đường bưu điện hoặc trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Quảng Bình.

\* **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

***Thành phần hồ sơ bao gồm:***

a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận (Mẫu số 01 Phụ lục I kèm theo Nghị định 155/2018/NĐ-CP);

b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có ngành nghề phù hợp với loại thực phẩm của cơ sở sản xuất (có xác nhận của cơ sở);

c) Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm.

d) Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế tuyến huyện trở lên cấp.

e) Danh sách người sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống đã được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm có xác nhận của chủ cơ sở.

***Số lượng hồ sơ:*** 01(một) bộ.

\* **Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

\* **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

- + Cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của ngành Y tế;
- + Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống có quy mô kinh doanh từ 200 suất ăn/lần phục vụ trở lên.

\* **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Quảng Bình.

\* **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

\* **Phí, lệ phí:** Phí thẩm định:

- Đối với cơ sở sản xuất nhỏ lẻ được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: 500.000 đồng /lần/cơ sở
- Đối với cơ sở sản xuất khác được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: 2.500.000 đồng/lần/cơ sở
- Đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống Phục vụ dưới 200 suất ăn: 700.000 đồng /lần/cơ sở
- Đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống Phục vụ từ 200 suất ăn trở lên: 1.000.000 đồng /lần/cơ sở

*(Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm và Thông tư số 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 sửa đổi, bổ sung, một số điều của Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm).*

\* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01 (Phụ lục I kèm theo Nghị định số 155/2018/NĐ-CP).

\* **Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính:**

**1. Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế:**

1.1. Tuân thủ các quy định tại Điều 19, 20, 21, 22, 25, 26 và Điều 27 Luật An toàn thực phẩm và các yêu cầu cụ thể sau:

a) Quy trình sản xuất thực phẩm được bố trí theo nguyên tắc một chiều từ nguyên liệu đầu vào cho đến sản phẩm cuối cùng;

b) Tường, trần, nền nhà khu vực sản xuất, kinh doanh, kho sản phẩm không thấm nước, rạn nứt, ẩm mốc;

c) Trang thiết bị, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm dễ làm vệ sinh, không thôi nhiễm chất độc hại và không gây ô nhiễm đối với thực phẩm;

d) Có ủng hoặc giày, dép để sử dụng riêng trong khu vực sản xuất thực phẩm;

đ) Bảo đảm không có côn trùng và động vật gây hại xâm nhập vào khu vực sản xuất và kho chứa thực phẩm, nguyên liệu thực phẩm; không sử dụng hoá chất diệt chuột, côn trùng và động vật gây hại trong khu vực sản xuất và kho chứa thực phẩm, nguyên liệu thực phẩm;

e) Không bày bán hoá chất dùng cho mục đích khác trong cơ sở kinh doanh phụ gia, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm.

1.2. Người trực tiếp sản xuất, kinh doanh phải được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm và được chủ cơ sở xác nhận và không bị mắc các bệnh tả, lỵ, thương hàn, viêm gan A, E, viêm da nhiễm trùng, lao phổi, tiêu chảy cấp khi đang sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

## ***2. Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống***

2.1. Tuân thủ các quy định tại Điều 28, 29 và Điều 30 Luật an toàn thực phẩm và các yêu cầu cụ thể sau:

a) Thực hiện kiểm thực ba bước và lưu mẫu thức ăn theo hướng dẫn của Bộ Y tế;

b) Thiết bị, phương tiện vận chuyển, bảo quản thực phẩm phải bảo đảm vệ sinh và không gây ô nhiễm cho thực phẩm;

2.2. Người trực tiếp chế biến thức ăn phải được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm và được chủ cơ sở xác nhận và không bị mắc các bệnh tả, lỵ, thương hàn, viêm gan A, E, viêm da nhiễm trùng, lao phổi, tiêu chảy cấp khi đang sản xuất, kinh doanh thực phẩm."

## ***3. Cơ sở sản xuất, kinh doanh phụ gia thực phẩm***

3.1. Đáp ứng các quy định chung về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm được quy định tại khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 20, khoản 1 Điều 21 Luật an toàn thực phẩm.

3.2. Chỉ được phối trộn các phụ gia thực phẩm khi các phụ gia thực phẩm đó thuộc danh mục các chất phụ gia được phép sử dụng trong thực phẩm do Bộ Y tế quy định và sản phẩm cuối cùng của sự phối trộn không gây ra bất cứ tác hại nào với sức khỏe con người; trường hợp tạo ra một sản phẩm mới, có công dụng mới phải chứng minh công dụng, đối tượng sử dụng và mức sử dụng tối đa.

3.3. Việc sang chia, san, chiết phụ gia thực phẩm phải được thực hiện tại cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm và ghi nhãn theo quy định hiện hành.

### **\* Căn cứ pháp lý của TTHC**

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010;

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

- Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm;

- Thông tư số 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm;

- Quyết định số 05/2020/QĐ-UBND ngày 10/3/2020 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành Y tế trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

\* **Ghi chú:** Các mẫu đơn, mẫu kết quả kèm theo

**Mẫu số 01**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 155/2018/NĐ-CP)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm 20....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm**

Kính gửi:.....

Họ và tên chủ cơ sở: .....

Tên cơ sở sản xuất/kinh doanh đề nghị cấp Giấy chứng nhận:.....

.....

Địa chỉ cơ sở sản xuất/ kinh doanh:.....

.....

.....

Điện thoại:.....Fax:.....

Đề nghị được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm  
cho sản xuất (*loại thực phẩm và dạng sản phẩm...*):.....

.....

**CHỦ CƠ SỞ**  
*(Ký & ghi rõ họ tên)*



**Mẫu số 02***(Ban hành kèm theo Nghị định số 155/2018/NĐ-CP)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

....., ngày .... tháng .... năm 20....

**BIÊN BẢN****Thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm cơ sở**Thực hiện Quyết định số ....., ngày .....tháng .....năm..... của  
.....

Hôm nay, ngày .....tháng..... năm ....., Đoàn thẩm định gồm có:

1 ..... Trưởng đoàn

2 ..... Thư ký

3 ..... Thành viên

4 ..... Thành viên

5 ..... Thành viên

tiến hành thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm tại cơ sở: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại ..... Fax .....

Đại diện cơ sở: 1.....

2.....

**KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH****I. KIỂM TRA HỒ SƠ GỐC:**

1. Thông tin về Giấy chứng nhận kinh doanh/Giấy đăng ký doanh nghiệp.
2. Hồ sơ nguyên liệu, phụ gia, chất hỗ trợ chế biến, nguồn nước sản xuất.
3. Hồ sơ xác nhận sức khỏe, tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất.

**II. KIỂM TRA THỰC TẾ VỀ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM:**

1. Địa điểm, diện tích cơ sở, khu vực sản xuất/chế biến.
2. Thiết kế, kết cấu nhà xưởng sản xuất/chế biến, kho, nhà vệ sinh, nơi thay đồ bảo hộ lao động, cống rãnh thoát nước, nơi thu gom, xử lý chất thải.
3. Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất, chế biến, bao gói, bảo quản, vận chuyển,

phòng chống côn trùng và động vật gây hại...

4. Nguồn nước sản xuất, chế biến thực phẩm/thức ăn.

5. Nguyên liệu thực phẩm, phụ gia, chất hỗ trợ chế biến và bao bì/dụng cụ chứa đựng thực phẩm/thức ăn.

6. Sức khỏe/bệnh truyền nhiễm cấp tính của người sản xuất/chế biến ....

7. Các nội dung khác có liên quan.

**III. ĐÁNH GIÁ VÀ KẾT LUẬN:**

1. Đánh giá việc đáp ứng của cơ sở đối với các yêu cầu điều kiện an toàn thực phẩm (Điều kiện về địa điểm, cơ sở vật chất, trang thiết bị dụng cụ, nguyên liệu, nguồn nước, thực hành vệ sinh...): .....

2. Tồn tại và biện pháp giải quyết: .....

3. Kết luận<sup>(1)</sup>: .....

.....

Đạt

Không đạt

Chờ hoàn thiện

Thời hạn hoàn thiện:  ngày kể từ ngày thẩm định.

4. Ý kiến của cơ sở được thẩm định: .....

.....

Biên bản kết thúc hỏi: .....giờ ..... ngày ..... tháng ..... năm ..... và lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau. Một bản do cơ quan thẩm định giữ và một bản do chủ cơ sở giữ.

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**TRƯỞNG ĐOÀN THẨM ĐỊNH**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**IV. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ KHẮC PHỤC (ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP CHỜ HOÀN THIỆN)**

Đạt

Không đạt

Lý do không đạt: .....

.....

....., ngày...tháng...năm 20...  
**TRƯỞNG ĐOÀN THẨM ĐỊNH**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

(1) Ghi rõ tên nhóm, dạng thực phẩm được sản xuất hoặc kinh doanh dịch vụ ăn uống

**Mẫu số 03**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 155/2018/NĐ-CP)*

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN  
TÊN CƠ QUAN CẤP  
-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----

Số: .../20.../ATTP-CNĐK

**GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

CHỦ CƠ SỞ

Tên cơ sở:

Địa chỉ:

**ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM THEO QUY ĐỊNH**

.....<sup>(1)</sup>.....

**GIẤY CHỨNG NHẬN NÀY CÓ GIÁ TRỊ 3 NĂM KỂ TỪ NGÀY KÝ.**

....., ngày... tháng... năm...  
**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN CẤP**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

---

(1) Ghi rõ tên nhóm, dạng thực phẩm được sản xuất hoặc kinh doanh dịch vụ ăn uống